

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi thăm hỏi, động viên người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 77/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 55/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 9854/TTr-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi thăm hỏi, động viên người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi thăm hỏi, động viên người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi thăm hỏi, động viên người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng nhân dịp kỷ niệm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7) và tết Nguyên đán hàng năm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng: Bà mẹ Việt Nam anh hùng; người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa

tháng Tám năm 1945; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến.

2. Một số đối tượng người có công với cách mạng tiêu biểu được Lãnh đạo tỉnh quyết định lựa chọn, trực tiếp đến thăm hỏi, động viên hằng năm.

3. Người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hằng tháng:

a) Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993; người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên.

b) Thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp tuất nuôi dưỡng; thân nhân của hai liệt sĩ trở lên đang hưởng trợ cấp tuất; cha đẻ, mẹ đẻ liệt sĩ đang hưởng trợ cấp tuất.

4. Người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hằng tháng và người thờ cúng liệt sĩ:

a) Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993; người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 81%; Người có công giúp đỡ cách mạng; Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày.

b) Thân nhân liệt sĩ (trừ cha đẻ, mẹ đẻ liệt sĩ), người có công nuôi liệt sĩ, vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác đang hưởng trợ cấp tuất.

c) Người thờ cúng liệt sĩ.

5. Thân nhân của người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng: Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945, người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993; người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

6. Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hằng tháng.

7. Người có công với cách mạng hưởng trợ cấp một lần và các đối tượng khác:

a) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế; người có công giúp đỡ cách mạng.

b) Đối tượng khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và nhà nước; Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến



tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế; Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 quy định về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến; Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc; Quân nhân đang hưởng trợ cấp theo Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2002.

Điều 3. Mức chi thăm hỏi, động viên

1. Mức chi bằng 2,0 (hai) lần mức chuẩn (bao gồm tiền mặt và hiện vật): Đối tượng quy định tại khoản 1, 2 Điều 2 Nghị quyết này.

2. Mức chi bằng 1,0 (một) lần mức chuẩn: Đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này.

3. Mức chi bằng 0,5 lần mức chuẩn: Đối tượng quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 2 Nghị quyết này.

4. Mức chi bằng 0,4 lần mức chuẩn: Đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 2 Nghị quyết này.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Mức chuẩn làm căn cứ để tính mức chi thăm hỏi, động viên tại Điều 3 Nghị quyết này thực hiện theo Mức chuẩn trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng.

2. Mỗi liệt sĩ thì người thờ cúng liệt sĩ được nhận một suất quà.

3. Một người thuộc từ hai (02) đối tượng được thăm hỏi, động viên trở lên thì người đó chỉ nhận được một suất quà có giá trị cao nhất. Trường hợp đối tượng đồng thời là thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng hoặc người thờ cúng liệt sĩ thì được nhận thêm suất quà đối với thân nhân liệt sĩ hoặc người thờ cúng liệt sĩ.

4. Đối với đối tượng quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 2 Nghị quyết này chỉ thực hiện chi thăm hỏi, động viên nhân dịp Tết Nguyên đán hàng năm.

5. Hình thức tặng quà: Bằng tiền mặt (trừ đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này).

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp ngân sách.



Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Bãi bỏ các Nghị quyết sau từ ngày 01 tháng 01 năm 2026:

a) Nghị quyết số 211/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định mức chi thăm hỏi, tặng quà các đối tượng chính sách người có công, thân nhân của người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

b) Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định đối tượng, mức chi quà tặng ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7), tết Nguyên đán và mức chi đưa đón đối tượng đi điều dưỡng tập trung, tham quan trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

3. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản quy định được dẫn chiếu áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng khóa X, Kỳ họp thứ 8 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2025. /.

Nơi nhận: *NE*

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa X;
- VP: TU, ĐĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Chi nhánh NHCSXH tỉnh Lâm Đồng;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm hạ tầng và Công nghệ số tỉnh;
- Trung tâm LTLS tỉnh;
- Trang TTĐT VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.



CHỦ TỊCH

Lưu Văn Trung

LÂM ĐỒNG